

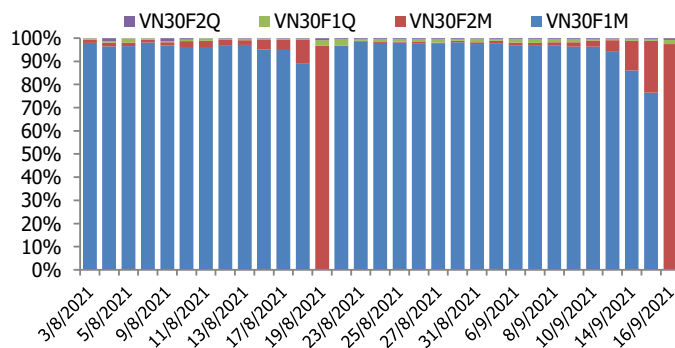
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2109	16/9/2021	0	1449.80	-
VN30F2110	21/10/2021	35	1440.60	13,852
VN30F2112	16/12/2021	91	1442.60	251
VN30F2203	17/3/2022	182	1435.30	114

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Phiên đáo hạn phái sinh tháng 9, cùng với việc các quỹ ETFs sẽ cơ cấu danh mục vào ngày mai càng khiến giới đầu tư thêm phần thận trọng. HĐTL VN30F2109 đóng cửa tại 1449,8 điểm, cao hơn 0,82 điểm so với VN30-Index. Trong khi đó, HĐTL VN30F2110, VN30F2112, VN30F2203 đóng cửa với basis âm từ 6,38 đến 13,68 điểm cho thấy giới đầu tư có phần thận trọng với xu hướng thị trường. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng 3,5% so với phiên liền trước, đạt 139.990 hợp đồng được khớp lệnh.
- Thị trường cơ sở vẫn tiếp diễn xu thế linh xình vốn đã duy trì trong 8 phiên trước đó. Thị trường tỏ ra khá cân bằng, dù số mã tăng có nhỉnh hơn chút ít. Dòng tiền vào các mã tăng cũng chỉ nhỉnh hơn một chút so với dòng tiền chảy vào các mã giảm. Về kỹ thuật, VN-Index gần như không đổi khi chốt phiên với thanh khoản giảm phiên thứ 3 liên tiếp, phiên thứ 6 đóng cửa trên đường MA20 ngày, nhưng đường MA20 vẫn đang theo xu hướng đi xuống.
- Các chỉ số dao động giằng co trong biên độ hẹp suốt 8 phiên vừa qua, xu thế ngắn hạn vẫn chưa rõ ràng. Rung lắc tất yếu sẽ xảy ra do các mã cổ phiếu trong rổ VN30-Index chưa đạt trạng thái hưng phấn và dòng tiền trên thị trường phái sinh đang suy yếu dần. Đối với chiến lược giao dịch trong ngày, xem xét mở vị thế Long với tỷ trọng nhỏ trong trường hợp giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1435-1438 điểm và Stoploss nếu giá giảm xuống dưới 1431 điểm. Ngược lại, nhà đầu tư có thể mở vị thế Short nếu chỉ số tiếp tục thất bại tại ngưỡng cản 1445-1448 và Stoploss nếu giá vượt qua 1450 điểm. Chiến lược nắm giữ ngắn trung hạn không có điểm vào khả thi.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

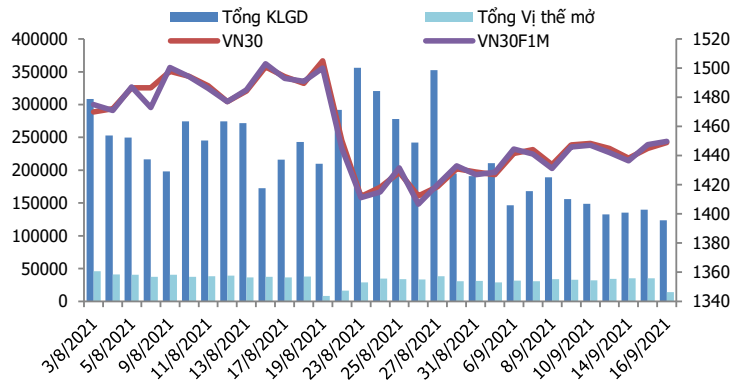
Với bối cảnh hiện tại, chiến lược trading trong biên độ sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1445-1448 điểm. Đối với chiến lược Long, khi chiết khấu thấp hơn so với vùng giá hiện tại (vùng 1435-1438 điểm).

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Thị trường đang xuất hiện những nhịp tăng giảm đan xen không phù hợp với chiến lược giữ vị thế qua đêm.

Chiến lược giao dịch spread

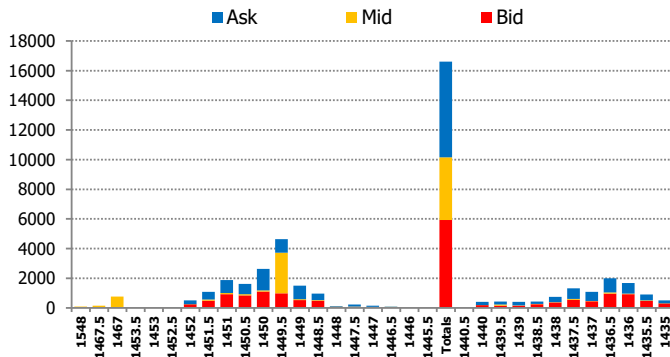
Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2109	1449.8	0.16	105,690	-20.3	-	-100.0
VN30F2110	1440.6	-0.06	17,944	147.0	13,852	74.8
VN30F2112	1442.6	0.22	52	67.7	251	-10.0
VN30F2203	1435.3	0.03	39	-31.6	114	-5.8
Tổng			123,725	-11.6	14,217	-59.8

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



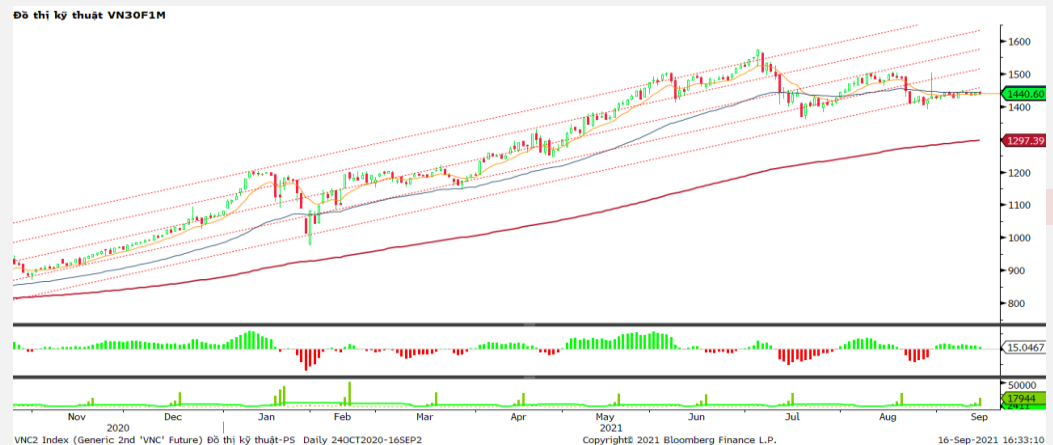
NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Phiên đáo hạn phái sinh tháng 9, cùng với việc các quỹ ETF sẽ cơ cấu danh mục vào ngày mai càng khiến giới đầu tư thêm phần thận trọng. HĐTL VN30F2109 đóng cửa tại 1449,8 điểm, cao hơn 0,82 điểm so với VN30-Index.
- Thanh khoản thị trường phái sinh giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt 123.725 hợp đồng, giảm 11,6%. Trong đó, thanh khoản tập trung tại hợp đồng tương lai tháng 9 với 105.690 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2109 là 1448,98 điểm (thấp hơn 0,82 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2110 là 1450,78 điểm (+10,18 điểm), VN30F2112 là 1453,65 điểm (+11,05 điểm) và VN30F2203 là 1458,34 điểm (+23,04 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

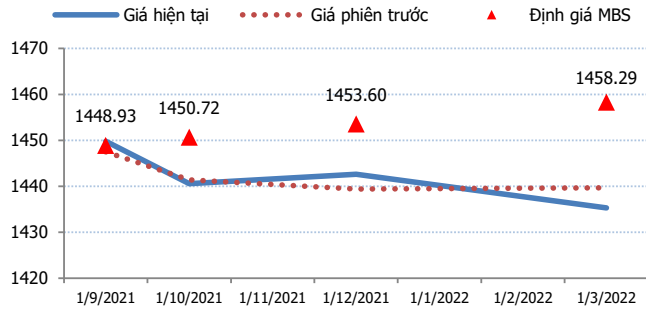
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	BUY	NEUTRAL	SELL
Hỗ trợ	1435-1438	1425-1428	1405-1412
Kháng cự	1447-1450	1462-1465	1508-1512

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-9.2	-6.10	-3.1	-4.04
VN30F1Q - VN30F1M	-7.2	-8.10	0.9	-4.88
VN30F1Q - VN30F2M	2	-2.00	4	-0.84
VN30F2Q - VN30F1M	-14.5	-7.80	-6.7	-6.44
VN30F2Q - VN30F2M	-5.3	-1.70	-3.6	-2.4
VN30F2Q - VN30F1Q	-7.3	0.30	-7.6	-1.56

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



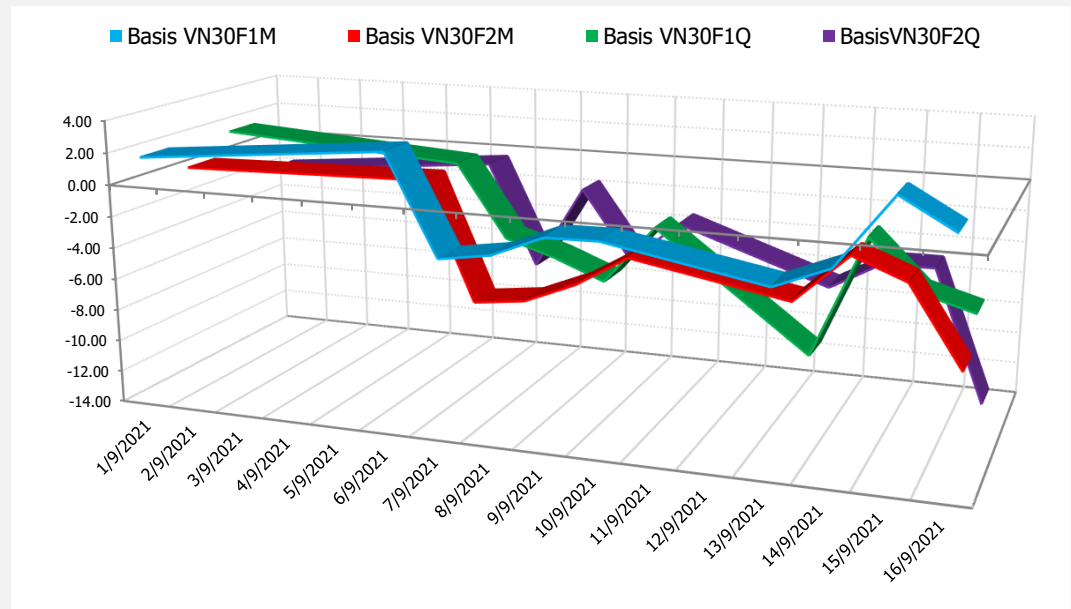
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

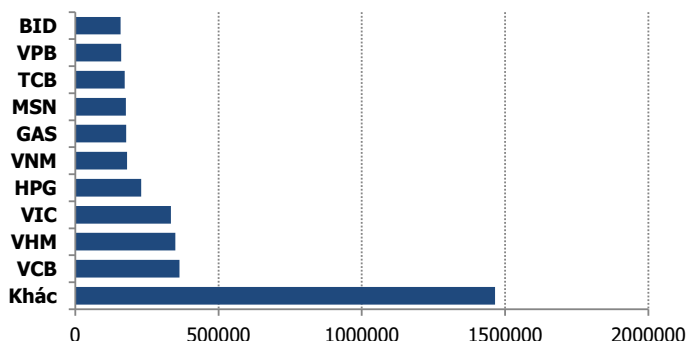
- Phiên đáo hạn phái sinh tháng 9, cùng với việc các quỹ ETFs sẽ cơ cấu danh mục vào ngày mai càng khiến giới đầu tư thêm phần thận trọng. HĐTL VN30F2109 đóng cửa tại 1449,8 điểm, cao hơn 0,82 điểm so với VN30-Index. Trong khi đó, HĐTL VN30F2110, VN30F2112, VN30F2203 đóng cửa với basis âm từ 6,38 đến 13,68 điểm cho thấy giới đầu tư có phần thận trọng với xu hướng thị trường.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -14,5 điểm đến +2 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2110-VN30F2109) giảm xuống -9,2 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

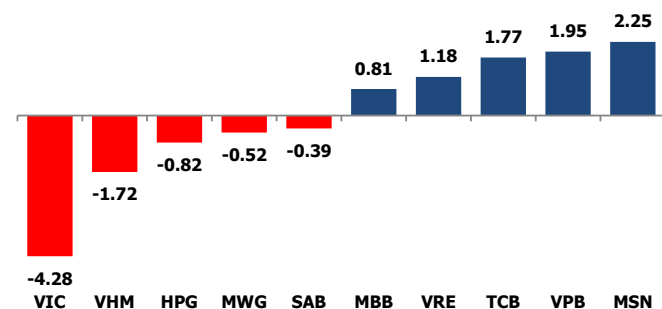


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1345.87	1448.98
Thay đổi	0.04	4.13
%Chg	0.00	0.29
YTD	21.92	35.32
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,141.40	3,766.99
P/E	16.22	14.62
P/B	2.58	2.94

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Bộ đôi VHM, VIC tiếp tục chịu áp lực bán mạnh trong phiên chiều và đóng cửa ở mức thấp nhất phiên. Trong khi đó, VRE lại có diễn biến trái ngược khi tăng 5,1% lên 30.000 đồng. Giao dịch nổi bật trong phiên hôm nay là nhóm ngân hàng với nhiều mã tăng như ACB, CTG, BID, MBB, VIB, VPB, TCB, TPB..., qua đó giúp thị trường trở nên cân bằng hơn trong bối cảnh nhiều mã lớn giảm điểm như HPG, SAB, BHN, HVN, MWG hay bộ đôi VIC, VHM.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 3,41 điểm (+0,24%) lên 1448,26 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 132 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 7.184 tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại cũng không thực sự tích cực khi họ bán ròng gần 1300 tỷ đồng trên toàn thị trường. Lực bán tập trung chủ yếu vào VIC (-1144 tỷ đồng), DGW (-83 tỷ đồng), DGC (-43 tỷ đồng), VNM (-40 tỷ đồng), DPM (-32 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIIndex	1,345.87	0.00	16.22	21.92
Dow Jones	34,751.32	(0.18)	20.94	13.54
S&P500	4,473.75	(0.16)	26.77	19.11
Nikkei 225	30,419.37	0.32	17.55	10.84
Shanghai	3,607.09	(1.34)	15.37	3.86
DAX	15,651.75	0.23	17.90	14.09
Vàng	1,756.17	0.14		(7.49)
Dầu WTI	72.49	(0.17)		49.40

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 13/09/2021			
Mỹ- Báo cáo hàng tháng OPEC			
Thứ Ba - 14/09/2021			
Mỹ- CPI lõi	0.30%	0.30%	0.10%
Thứ Tư - 15/09/2021			
Trung Quốc- Sản lượng CN	6.4%	5.8%	5.3%
Mỹ- Dự trữ dầu thô	-1.529M	-3.903M	-6.422M
Thứ Năm - 16/09/2021			
Mỹ- Đề nghị trợ cấp thất nghiệp	310K	328K	332K
Thứ Sáu - 17/09/2021			
EU-CPI	2.20%	3.00%	
Thứ Hai - 13/09/2021			

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Phố Wall ngày 16/9 diễn biến trái chiều sau khi số liệu bán lẻ tốt cho thấy sức mạnh của đà phục hồi kinh tế Mỹ. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones giảm 63,07 điểm, tương đương 0,18%, xuống 34.751,32 điểm. S&P 500 giảm 6,95 điểm, tương đương 0,16%, xuống 4.473,75 điểm. Nasdaq tăng 20,4 điểm, tương đương 0,13%, lên 15.181,92 điểm.
- Giá dầu tiếp tục tăng nhẹ sau khi đạt mức cao nhất nhiều tuần trong phiên trước đó, khi mối đe dọa sản lượng dầu thô vùng Vịnh Mỹ từ cơn bão Nicholas suy giảm. Chốt phiên giao dịch ngày 16/9, dầu thô Brent tăng 21 US cent tương đương 0,3% lên 75,67 USD/thùng.
- Giá vàng giảm gần 3% và giá bạc giảm hơn 5%, do doanh số bán lẻ của Mỹ tăng mạnh thúc đẩy đồng USD tăng, khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể sớm giảm bớt kích thích. Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 2,1% xuống 1.755,75 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 MSN, VPB và TCB là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 tiếp tục tăng điểm. Trong đó, MSN đóng góp 2,25 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
HPG	Metals & Mining	9.68	51,300	-0.58	1.95%	931.13	-0.82	9.13	3.11
TCB	Banks	8.58	49,100	1.45	1.13%	270.249	1.77	10.64	2.07
VPB	Banks	7.95	65,000	1.72	1.25%	303.902	1.95	12.87	2.66
VIC	Real Estate Management & Development	7.21	87,800	-3.94	4.10%	1338.54	-4.28	49.70	3.67
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	5.60	94,700	0.64	0.85%	182.023	0.51	22.37	5.12
VNM	Food Products	5.54	86,400	0.35	0.70%	157.247	0.28	18.90	5.71
ACB	Banks	5.51	31,300	0.32	1.12%	108.339	0.26	8.72	2.09
VHM	Real Estate Management & Development	5.28	80,100	-2.20	3.13%	640.01	-1.72	10.38	3.57
MSN	Food Products	4.75	149,800	3.38	3.31%	339.685	2.25	116.94	10.88
MBB	Banks	4.43	27,800	1.28	1.09%	270.29	0.81	10.06	1.97
MWG	Specialty Retail	4.39	123,600	-0.80	1.38%	96.058	-0.52	19.23	4.83
NVL	Real Estate Management & Development	4.08	103,100	0.00	1.07%	196.341	0.00	28.67	4.51
STB	Banks	3.51	26,750	0.56	1.32%	138.956	0.29	13.92	1.59
VCB	Banks	3.07	98,100	1.03	1.44%	55.989	0.45	17.73	3.47
HDB	Banks	2.68	25,100	1.41	1.61%	42.476	0.54	9.50	1.91
VJC	Airlines	2.62	126,000	0.00	0.88%	89.764	0.00	55.85	4.51
SSI	Capital Markets	2.08	42,500	-0.93	2.01%	207.363	-0.28	22.83	3.72
TPB	Banks	1.91	38,650	1.05	2.88%	202.291	0.29	9.20	2.04
CTG	Banks	1.75	31,650	1.61	2.07%	202.111	0.40	9.26	1.64
VRE	Real Estate Management & Development	1.68	30,000	5.08	5.57%	440.457	1.18	25.11	2.24
KDH	Real Estate Management & Development	1.33	42,700	3.64	4.24%	259.044	0.68	21.72	3.08
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.30	93,000	1.20	2.20%	59.279	0.22	16.00	3.70
PDR	Capital Markets	1.22	81,800	0.12	1.48%	226.523	0.02	28.21	7.14
SAB	Food Products	0.87	161,000	-3.01	2.97%	32.414	-0.39	22.08	4.96
GAS	Gas Utilities	0.68	92,600	1.20	0.98%	90.744	0.12	22.71	3.79
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.63	51,000	0.20	1.97%	51.91	0.02	15.86	2.60
BID	Banks	0.49	39,400	1.55	1.15%	57.68	0.11	15.99	1.95
GVR	Real Estate Management & Development	0.47	38,400	-0.26	1.84%	85.754	-0.02	32.53	3.17
POW	Independent Power and Renewable Electricity Producer	0.42	11,800	0.00	2.15%	70.853	0.00	10.94	0.93
BVH	Beverages	0.31	54,500	0.74	1.67%	27.086	0.03	21.61	1.93

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	- Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên nghiên cứu	hop.nguyenhoa@mbs.com.vn